TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2025
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Thủy và ông Nguyễn Phú Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hợp là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 431/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025; Về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 506/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 177/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, xã B, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn G, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông G chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (nay là UBND xã T, tỉnh An Giang), theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 26/3/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do ông G không chí thú làm ăn để lo cho vợ con mà thường tụ tập uống rượu, chửi mắng bà vô cớ, bà có khuyên nhiều lần nhưng ông G không sửa đổi nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, không có tiếng nói chung nên hôn nhân không còn hạnh phúc, bà

và ông G ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn G.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Lê Văn T, sinh ngày 29/8/2009 và Lê Văn Tốt E, sinh ngày 20/12/2017. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn G được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Toà án để tham gia các tiến trình tố tụng của Toà án thực hiện theo quy định của pháp luật và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Út H.

Tại phiên tòa:

- Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông G vắng mặt tại phiên toà nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Cho bà H được ly hôn với ông G. Về con chung: Bà H và ông G có 02 (hai) con chung là Lê Văn T, sinh ngày 29/8/2009 và Lê Văn Tốt E, sinh ngày 20/12/2017. Đề nghị giao các cháu T và Tốt E cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết*:

Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với ông G nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Ông G

có nơi cư trú tại ấp L, xã T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, bà H có mặt. Ông G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông G kết hôn vào năm 2009, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế bà H và ông G đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và hiện nay không còn chung sống với nhau. Ông bà đã ly thân từ tháng 01/2024 đến nay nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà H yêu cầu ly hôn do chị không còn tình cảm với ông G, mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân và chị từ chối hoà giải. Từ đó cho thấy, bà H cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn. Về phía ông G những lần Toà án triệu tập đến để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và phiên toà thì ông G đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, ông G không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà H.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông G. Tại biên bản xác minh ngày 18/7/2025 đại diện Ban Ấ cho biết quá trình chung sống bà H và ông G có xảy ra mâu thuẫn hay không thì B ấp không biết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông bà đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Cho bà H được ly hôn với ông G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông G có 02 (hai) con chung là Lê Văn T, sinh ngày 29/8/2009 và Lê Văn Tốt E, sinh ngày 20/12/2017. Hiện nay, cháu T và cháu Tốt E đang sống cùng với bà H. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Đồng thời các cháu T và Tốt E đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Ngoài ra, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T và cháu Tốt E cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng

là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông G là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Bà H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông G đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 260 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Út H.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Út H được ly hôn với ông Lê Văn G.

- Về con chung: Giao con chung Lê Văn T và Lê Văn T Em cho bà Nguyễn Thị Út H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập xem xét, giải quyết.

Bà H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông G đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Út H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009959 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Út H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 13 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13 – An Giang;
- UBND xã Thạnh Mỹ Tây, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyến